

Số: /GPMT-UBND Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại Văn bản số 1503/PLX-KDBL ngày 24 tháng 06 năm 2025 và số 035/PLX-TDN ngày 21 tháng 7 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 79/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 29 tháng 07 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, địa chỉ tại số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư kinh doanh công trình trạm dừng nghỉ km 334+900 thuộc dự án thành phần Vân Phong - Nha Trang trên tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Đông” tại xã Tân Định, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư kinh doanh công trình trạm dừng nghỉ km 334+900 thuộc dự án thành phần Vân Phong - Nha Trang trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông.

1.2. Địa điểm hoạt động: hai bên tại lý trình km 334+900 thuộc dự án thành phần Vân Phong - Nha Trang, địa phận xã Tân Định, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0100107370 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 02 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 0100107370.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh xăng dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích của dự án đầu tư: tổng diện tích khu đất dự án là 78.500 m².
- Dự án có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô công suất dự án đầu tư bao gồm:

- + Dự kiến sản lượng xăng dầu: 28.000 m³/năm.

- + Dịch vụ bán hàng ăn uống, giải khát: 6.200 lượt khách/ngày.

- + Dịch vụ sửa chữa xe: 3.500 xe/năm.

- + Dịch vụ sạc xe điện: 12.640. xe/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Tân Định nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu trong giấy phép môi trường; chịu trách nhiệm về việc nghiệm thu các công trình xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng; phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy và các lĩnh vực khác có liên quan (nếu có).

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ cấp giấy phép môi trường và các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án tại các Phụ lục của GPMT này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Tân Định;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L, Huân.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.....tháng năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và hành khách.
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà bếp.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa xe
- Nguồn số 04: Nước thải vệ sinh sân bãi tại trạm cấp nhiên liệu.
- Nguồn số 05: Nước mưa nhiễm dầu.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn được bơm ra hồ nước tự nhiên tại khu vực thuộc địa phận xã Tân Định, tỉnh Khánh Hòa, thoát ra kênh thoát nước ở khu vực hạ du (thuộc địa phận xã Tân Định, Hòa Thắng, tỉnh Khánh Hòa).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại 02 điểm cuối của 02 đường ống dẫn nước thải sau xử lý của dự án trước khi thoát vào hồ nước tự nhiên của khu vực.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

Vị trí	X (m)	Y (m)
Điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý từ TDN bên trái tuyến cao tốc Nha Trang - Vân Phong bơm ra hồ nước tự nhiên của khu vực.	1380377.9	587124.6
Điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý từ TDN bên phải tuyến cao tốc Nha Trang - Vân Phong bơm ra hồ nước tự nhiên của khu vực.	1380374.7	587102.6

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: bơm.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2025/BTNMT (cột B, bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung và Quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT (cột B, cửa hàng có dịch vụ rửa xe) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 14:2025/BTNMT (cột B, bảng 2)	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B, cửa hàng có dịch vụ rửa xe)	
1	pH	-	-	5,5-9	03 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/L	≤ 30	-	
3	COD	mg/L	≤ 60	-	
4	TSS	mg/L	≤ 100	-	
5	Amoni	mg/L	≤ 8	-	
6	Sunfua	mg/L	≤ 0,5	-	
7	Tổng Nitơ	mg/L	≤ 30	-	
8	Tổng Photpho	mg/L	≤ 3	-	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	≤ 15	-	
10	Dầu mỡ khoáng	mg/L	-	18	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5	-	
12	Coliform	MPN/100 ml	≤ 5.000	-	

Ghi chú: dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Việc quan trắc định kỳ do Chủ dự án tự đề xuất thực hiện.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và hành khách sẽ chảy vào đường ống UPVC D250, D220 sau đó dẫn vào các bể tự hoại 4,4 m³, 10 m³ và 18,7 m³, nước thải sau khi được xử lý sơ bộ sẽ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà bếp sẽ chảy vào đường ống UPVC D110 dẫn vào bể tách mỡ để tách dầu mỡ 1,6 m³ để tách dầu trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động rửa xe sẽ chảy vào đường ống UPVC D160 dẫn vào bể lắng gạn 2 để tách dầu trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 04: Nước thải vệ sinh sân bãi tại trạm cấp nhiên liệu sẽ chảy vào chảy vào rãnh B300 đập tấm đan dẫn về bể lắng gạn 1 để tách dầu trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 05: Nước mưa nhiễm dầu chảy vào rãnh B300 đập tấm đan dẫn vào bể lắng gạn 1 để tách dầu trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Hồ nước tự nhiên của khu vực); Bùn → bể chứa bùn → thu gom định kỳ.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày đêm/mỗi trạm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, Methanol.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng, máy thổi khí, máy nén khí.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Trường hợp mất điện lưới: Khi điện lưới mất, lập tức máy phát điện dự phòng phục vụ quá trình xử lý sẽ vận hành bình thường.

- Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của trạm xử lý nước thải sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt là mạng lưới thoát nước thải.

- Trường hợp, phát hiện chất lượng nước thải không đạt chuẩn khi thải ra môi trường, nước thải sẽ được lưu giữ lại tại bể điều hòa có thể tích 20 m³ và bể lưu trữ nước thải (bể sự cố) dung tích 20 m³ kết cấu nhựa HDPE, có nắp đậy kín trong thời gian chờ khắc phục hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục hệ thống xử lý nước thải, nước thải sẽ được bơm xử lý theo quy trình công nghệ xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 03 tháng (kể từ sau khi lắp đặt xong hệ thống xử lý nước thải).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý nước thải tại hai bên trạm dừng nghỉ có công suất 30 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại trạm dừng nghỉ bên phải tuyến, trạm dừng nghỉ bên trái tuyến.

- Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại trạm dừng nghỉ bên phải tuyến, trạm dừng nghỉ bên trái tuyến.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định đối với mỗi hệ thống.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại điểm 7 và điểm 8 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm 5 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.....tháng..... năm
 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: Hộp chứa mực in (loại có chứa thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng...) (08 02 04); Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ) (14 01 05); Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải (16 01 06); Pin thải, ắc quy chì thải (16 01 12); Thiết bị, linh kiện điện tử thải bỏ (16 01 13); Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (17 02 03); Dầu nhiên liệu và diesel thải bỏ (17 06 01); Bao bì cứng thải bằng nhựa (18 01 03); Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (18 02 01). Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (17 05 02); Bùn thải vớt bể chứa xăng dầu, hố ga khu vực trạm nhiên liệu (19 07 01). Khối lượng khoảng 1.270 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Bùn thải bể tự hoại 3 ngăn; Dầu mỡ từ bể tách mỡ (hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo từ quá trình phân tách dầu/nước); Bùn thải nạo vét hố ga nước mưa không nhiễm xăng dầu; Bao bì nhựa (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải; Bao bì kim loại (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiăng) thải; Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ; Thiết bị, máy móc hỏng không nhiễm thành phần nguy hại (thiết bị, phụ tùng thải, lớp xe hỏng sau quá trình bảo dưỡng, sửa chữa xe, phương tiện vận chuyển). Khối lượng khoảng 3.300 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 288 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa trong nhà đáp ứng các yêu cầu quy định theo Khoản 6, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường: mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị: thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 02 kho lưu trữ, mỗi kho có diện tích 30 m².

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: Kho có kết cấu có mái che, nền bê tông không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và dán bảng tên, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Khoản 3, Điều 33, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 02 kho lưu trữ, mỗi kho có diện tích 30 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: Kho có kết cấu có mái che, nền bê tông không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và dán bảng tên đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 02 kho lưu trữ, mỗi kho có diện tích 40 m².

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.